**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp
giai đoạn 2021-2025 và đề xuất cho giai đoạn 2026-2030**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số /BNNMT-VPĐP ngày / /2025*

*của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

# Phần IĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA

# VỀ NÔNG THÔN MỚI CÁC CẤP GIAI ĐOẠN 2021-2025

# I. KẾT QUẢ BAN HÀNH VĂN BẢN QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN

## 1. Kết quả ban hành văn bản

### a) Ở Trung ương

Thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia *(sau đây viết tắt là MTQG)* xây dựng nông thôn mới *(sau đây viết tắt là NTM)* giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

Kế thừa kết quả thực hiện từ giai đoạn 2016-2020, Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 tiếp tục thực hiện mục tiêu về số lượng, tỷ lệ địa phương *(xã, huyện)* đạt chuẩn NTM, đồng thời bổ sung mục tiêu xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu để các địa phương đã được công nhận đạt chuẩn NTM không ngừng nâng chất những kết quả đạt được. Các mục tiêu xây dựng NTM của giai đoạn 2021-2025 được xác định rõ đối với từng cấp *(thôn, xã, huyện, tỉnh)* và theo các mức độ *(đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM)*.[[1]](#footnote-1)

Để các cơ quan, địa phương có liên quan có cơ sở thống nhất áp dụng, thuận lợi trong công tác lập kế hoạch, chỉ đạo thực hiện và đánh giá kết quả xây dựng NTM theo các mục tiêu cụ thể của giai đoạn 2021-2025, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *(nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)* đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện, tham mưu, trình và đã được Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt 04 quyết định quy định cụ thể về các Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025, gồm:

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xãNTM và Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

Các Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp giai đoạn 2021-2025 được xây dựng với sự tham gia, đóng góp ý kiến của các bộ, ngành liên quan ở Trung ương, các cơ quan quản lý ở địa phương và nhiều nhà khoa học; trên cơ sở kế thừa, đúc rút kinh nghiệm từ giai đoạn 2016-2020; đồng thời, được điều chỉnh, bổ sung nhiều nội dung, nội hàm để phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, hoặc các chính sách mới ban hành và yêu cầu thực tế xây dựng NTM.

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng NTM ở địa phương vẫn còn gặp vướng mắc, khó khăn, xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành bổ sung 02 quyết định gồm:

- Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện NTM đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 15/01/2025 về việc sửa đổi khoản 8 Điều 1 Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 17/17 bộ, ngành liên quan theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ được phân công, đã ban hành văn bản công bố chỉ tiêu cụ thể và hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp theo các mức độ giai đoạn 2021-2025.

*(Chi tiết trong Phụ lục Danh mục văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí NTM các cấp theo các mức độ do Trung ương ban hành)*

### b) Ở địa phương

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành các bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã khẩn trương rà soát, đánh giá, cụ thể hóa các tiêu chí, chỉ tiêu NTM được phân cấp cho cấp tỉnh, trên cơ sở đó, UBND cấp tỉnh đã quyết định ban hành: bộ tiêu chí xã, huyện NTM, NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025; quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; bộ tiêu chí NTM cấp thôn, bản, ấp; bộ tiêu chí thôn NTM thông minh... Một số tỉnh còn phân loại các nhóm xã theo đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội để có các định mức đạt chuẩn phù hợp với điều kiện thực tế, đặc thù, nhưng không hạ thấp tiêu chuẩn, chất lượng của các tiêu chí đạt chuẩn so với quy định chung áp dụng đối với vùng *(Điện Biên, Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Nam, Đắk Lắk, Lâm Đồng...)*. Một số tỉnh/thành phố còn bổ sung thêm các tiêu chí hoặc nâng định mức đạt chuẩn cao hơn so với quy định của Trung ương *(Hà Nội, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Đồng Nai...)*.

## 2. Một số điểm chính của Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025

### a) Cấp xã

*- Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025:* Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; gồm 19 tiêu chí với 57 chỉ tiêu *(tăng 08 chỉ tiêu so với giai đoạn 2016-2020)* và chia theo 07 vùng sinh thái *(Trung du miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Duyên hải Nam Trung Bộ; Tây Nguyên; Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long)* để phù hợp với điều kiện thực tế, mức độ phát triển của từng vùng; cơ bản giữ nguyên nội hàm của Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2016-2020 để có tính khả thi và tạo động lực phấn đấu cho các xã chưa đạt chuẩn *(phần lớn là các xã ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa)* tiếp tục phấn đấu thực hiện trong giai đoạn 2021-2025; bổ sung quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc các huyện nghèo và huyện vừa thoát nghèo được chủ động áp dụng mức đạt chuẩn NTM của vùng Trung du miền núi phía Bắc.

*- Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025:* Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; tập trung theo hướng nang cao chất lượng các tiêu chí so với mức đạt chuẩn; yêu cầu đối với xã NTM nâng cao phải là xã đạt chuẩn NTM; gồm 19 tiêu chí với 75 chỉ tiêu *(nhiều hơn 18 chỉ tiêu so với Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025)* và chia theo 07 vùng sinh thái; trong 75 chỉ tiêu có 37 chỉ tiêu nâng cao so với xã đạt chuẩn NTM, bổ sung 32 chỉ tiêu mới và điều chỉnh nội hàm 06 chỉ tiêu.

*- Quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025:* Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; yêu cầu đối với xã NTM kiểu mẫu phải là xã đạt chuẩn NTM nâng cao, đồng thời phải đáp ứng các điều kiện: thu nhập bình quân đầu người cao hơn ít nhất 10% so với mức áp dụng cho xã NTM nâng cao tại cùng thời điểm; có mô hình thôn thông minh; đạt tiêu chí quy định xã NTM kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất *(về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự, về chuyển đổi số…)* mang giá trị đặc trưng của địa phương *(do UBND cấp tỉnh ban hành)*.

### b) Cấp huyện

*- Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021-2025:* Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; giữ nguyên số lượng 09 tiêu chí như giai đoạn 2016-2020, chia thành 36 chỉ tiêu *(tăng 22 chỉ tiêu so với giai đoạn 2016-2020)*, áp dụng chung trên cả nước *(không chia theo vùng)* để đảm bảo chất lượng đạt chuẩn NTM của các huyện phải tương đương nhau, đồng thời quy định huyện NTM phải có: 100% số xã đạt chuẩn NTM; ít nhất 10% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 100% số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh.

*- Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025:* Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; trong đó yêu cầu phải có: 100% số xã đạt chuẩn NTM; 100% số phường đạt chuẩn đô thị văn minh; ít nhất 01 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị tối thiểu 5 m2/người.

*- Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025:* Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022; gồm 09 tiêu chí, 38 chỉ tiêu *(tăng 02 chỉ tiêu so với Bộ tiêu chí huyện NTM giai đoạn 2021-2025)*, trong đó có 23 chỉ tiêu nâng cao chất lượng, 13 chỉ tiêu bổ sung mới và 02 chỉ tiêu tiếp tục duy trì thực hiện, áp dụng chung trên cả nước *(không chia theo vùng)*; đồng thời, quy định huyện NTM nâng cao phải là huyện đạt chuẩn NTM và có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao.

*- Tiêu chí huyện NTM đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025:* Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024; gồm 09 tiêu chí, 38 chỉ tiêu, áp dụng đối với 04 huyện đảo là những huyện không có đơn vị hành chính cấp xã, gồm các huyện: Cồn Cỏ *(Quảng Trị)*, Bạch Long Vĩ *(Hải Phòng)*, Lý Sơn *(Quảng Ngãi)* và Côn Đảo *(Bà Rịa - Vũng Tàu)*.

### c) Cấp tỉnh

*Quy định tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025:* Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2024; gồm 08 điều kiện: *(1)* Có 100% số huyện đạt chuẩn NTM; *(2)* 100% thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; *(3)* 20% số huyện đạt chuẩn NTM nâng cao; *(4)* 40% số xã NTM đạt chuẩn nâng cao; *(5)* Có Đề án xây dựng NTM toàn tỉnh được HĐND cấp tỉnh thông qua; *(6)* 70% km đường huyện, tỉnh, quốc lộ được trồng cây xanh dọc tuyến đường; *(7)* Đất cây xanh công cộng tối thiểu là 4 m2/người; *(8)* Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt từ 80% trở lên.

# II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ NTM CÁC CẤP GIAI ĐOẠN 2021-2025 *(tính đến tháng 6/2025 - trước thời điểm ngày 01/7/2025, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp)*

## 1. Kết quả chung

### a) Cấp xã: Theo kết quả tổng hợp từ báo cáo của các địa phương, tính đến tháng 6/2025, cả nước có 6.084/7.669 xã (79,3%) đã được công nhận đạt chuẩn NTM (tăng 10,6% so với cuối năm 2021, cơ bản đạt mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025); có 2.567 xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, chiếm 42,2% trong tổng số xã đạt chuẩn NTM (tăng 2.064 xã so với cuối năm 2021, vượt mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025); có 743 xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, chiếm 12,2% trong tổng số xã đạt chuẩn NTM (tăng 700 xã so với cuối năm 2021, vượt mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025).

### b) Cấp huyện: Đến tháng 6/2025, cả nước có 329/646 đơn vị cấp huyện (51%) thuộc 60 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (tăng 116 đơn vị so với cuối năm 2021, vượt mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 được giao). Trong số các huyện đạt chuẩn NTM (240 huyện trong số 329 đơn vị cấp huyện) đã có 48 huyện (20%) thuộc 14 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao (vượt mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 được giao).

### c) Cấp tỉnh: Có 24 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% số xã đạt chuẩn NTM (tăng 11 tỉnh so với cuối năm 2021), trong đó có 19 tỉnh, thành phố có 100% số xã đạt chuẩn NTM và 100% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ NTM. Có 13 tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đạt 80% mục tiêu cả giai đoạn 2021-2025 được giao).[[2]](#footnote-2)

## 2. Kết quả theo vùng

a) Vùng Trung du miền núi phía Bắc: Có 1.049/1.936 xã *(54,2%)* đạt chuẩn NTM *(tăng 10,9% so với cuối năm 2021, đạt 90,3% kế hoạch giao)*, trong đó có 271 xã đạt chuẩn NTM nâng cao *(tăng 243 xã so với cuối năm 2021)* và 65 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu *(tăng 61 xã so với cuối năm 2021)*; bình quân vùng đạt 15 tiêu chí/xã *(tăng 0,4 tiêu chí so với cuối năm 2021)*. Trong vùng còn một số tỉnh có tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM thấp như: Cao Bằng 12,2%, Điện Biên 22,6%, Hà Giang 29,1%, Bắc Kạn 30,5%,...; bên cạnh đó còn có 278 xã *(14,3%)* chỉ đạt dưới 10 tiêu chí. Ở cấp huyện, toàn vùng có 36 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM *(tăng 11 đơn vị so với cuối năm 2021)*, trong đó, đã có 02 huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao *(huyện Phú Bình và huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên)*.

b) Vùng Đồng bằng sông Hồng: Có 1.471/1.471 xã *(100%)* đạt chuẩn NTM *(tăng 0,8% so với cuối năm 2021, hoàn thành kế hoạch được giao)*, trong đó có 906 xã đạt chuẩn NTM nâng cao *(tăng 737 xã so với cuối năm 2021)* và 364 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu *(tăng 342 xã so với cuối năm 2021)*; bình quân vùng đạt 19 tiêu chí/xã. Ở cấp huyện, toàn vùng có 104 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM *(tăng 21 đơn vị so với cuối năm 2021)*, trong đó, đã có 20 huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao[[3]](#footnote-3); có 08 tỉnh/thành phố *(Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình)* được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

c) Vùng Bắc Trung Bộ: Có 1.049/1.275 xã *(82,3%)* đạt chuẩn NTM *(tăng 13,6% so với cuối năm 2021, đạt 94,6% kế hoạch được giao)*, trong đó có 337 xã đạt chuẩn NTM nâng cao *(tăng 278 xã so với cuối năm 2021)* và 73 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu *(tăng 66 xã so với cuối năm 2021)*; bình quân vùng đạt 17,8 tiêu chí/xã *(tăng 0,6 tiêu chí so với cuối năm 2021)*. Trong vùng còn 49 xã *(3,8%)* chỉ đạt dưới 10 tiêu chí. Ở cấp huyện, toàn vùng có 47 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM *(tăng 25 đơn vị so với cuối năm 2021)*, trong đó, đã có 07 huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao[[4]](#footnote-4).

d) Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ: Có 585/766 xã *(76,4%)* đạt chuẩn NTM *(tăng 12,8% so với cuối năm 2021, đạt 95,4% kế hoạch được giao)*, trong đó có 177 xã đạt chuẩn NTM nâng cao *(tăng 161 xã so với cuối năm 2021)* và 27 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu *(tăng 26 xã so với cuối năm 2021)*; bình quân vùng đạt 17,5 tiêu chí/xã *(tăng 0,8 tiêu chí so với cuối năm 2021)*. Trong vùng còn có 15 xã *(1,9%)* chỉ đạt dưới 10 tiêu chí. Ở cấp huyện, toàn vùng có 23 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM *(tăng 08 đơn vị so với cuối năm 2021)*.

đ) Vùng Tây Nguyên: Có 379/580 xã *(65,3%)* đạt chuẩn NTM *(tăng 10,9% so với cuối năm 2021, đạt 96,2% kế hoạch được giao)*, trong đó có 61 xã đạt chuẩn NTM nâng cao *(tăng 38 xã so với cuối năm 2021)* và 20 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu *(tăng 15 xã so với cuối năm 2021)*; bình quân vùng đạt 16,7 tiêu chí/xã *(tăng 0,4 tiêu chí so với cuối năm 2021)*. Trong vùng còn có 33 xã *(5,7%)* chỉ đạt dưới 10 tiêu chí. Ở cấp huyện, toàn vùng có 12 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM *(tăng 06 đơn vị so với cuối năm 2021)*.

e) Vùng Đông Nam Bộ: Có 402/408 xã *(98,5%)* đạt chuẩn NTM *(tăng 18,8% so với cuối năm 2021, hoàn thành vượt 3,6% so với kế hoạch được giao)*, trong đó có 296 xã đạt chuẩn NTM nâng cao *(tăng 158 xã so với cuối năm 2021)* và 73 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu *(tăng 66 xã so với cuối năm 2021)*; bình quân vùng đạt 18,9 tiêu chí/xã *(tăng 0,3 tiêu chí so với cuối năm 2021)*. Ở cấp huyện, toàn vùng có 31 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM *(tăng 06 đơn vị so với cuối năm 2021)*, trong đó, đã có 08 huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao[[5]](#footnote-5); có 02 tỉnh *(Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu)* được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

g) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Có 1.149/1.233 xã *(93,2%)* đạt chuẩn NTM *(tăng 22% so với cuối năm 2021, hoàn thành vượt 16,5% so với kế hoạch được giao)*, trong đó có 519 xã đạt chuẩn NTM nâng cao *(tăng 449 xã so với cuối năm 2021)* và có 121 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu *(tăng 121 xã so với cuối năm 2021)*; bình quân vùng đạt 18,5 tiêu chí/xã *(tăng 0,9 tiêu chí so với cuối năm 2021)*. Trong vùng còn 01 xã *(0,1%)* chỉ đạt dưới 10 tiêu chí. Ở cấp huyện, toàn vùng có 76 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM *(tăng 39 đơn vị so với cuối năm 2021)*, trong đó, đã có 11 huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao[[6]](#footnote-6); có 03 tỉnh *(Trà Vinh, Tiền Giang, Đồng Tháp)* được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

## 3. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM

a)Tiêu chí số 1 vềQuy hoạch: Cả nước có 96,6% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 89,12%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 96,88%, Duyên hải Nam Trung Bộ 88,72%, Tây Nguyên 90,49%, Đông Nam Bộ 98,81%, Đồng bằng sông Cửu Long 96,56%.

b)Tiêu chí số 2 về Giao thông: Cả nước có 87,3% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 64,36%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 88,62%, Duyên hải Nam Trung Bộ 88,21%, Tây Nguyên 85,23%, Đông Nam Bộ 97,37%, Đồng bằng sông Cửu Long 87,67%.

c) Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:Cả nước có 98,1% số xã; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 91,5%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 97,9%, Duyên hải Nam Trung Bộ 94,36%, Tây Nguyên 97,79%, Đông Nam Bộ 99,52%, Đồng bằng sông Cửu Long 100%.

d) Tiêu chí số 4 vềĐiện: Cả nước có 96,5% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 88,97%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 98,33%, Duyên hải Nam Trung Bộ 98,08%, Tây Nguyên 97,45%, Đông Nam Bộ 99,28%, Đồng bằng sông Cửu Long 98,32%.

 đ) Tiêu chí số 5 vềTrường học: Cả nước có 87,5% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 69,38%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 90,07%, Duyên hải Nam Trung Bộ 77,95%, Tây Nguyên 84,38%, Đông Nam Bộ 97,14%, Đồng bằng sông Cửu Long 91,51%.

e) Tiêu chí số 6 vềCơ sở vật chất văn hóa: Cả nước có 85,7% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 62,03%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 87,75%, Duyên hải Nam Trung Bộ 82,18%, Tây Nguyên 80,48%, Đông Nam Bộ 97,61%, Đồng bằng sông Cửu Long 91,27%.

g) Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Cả nước có 97% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 88,57%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 96,09%, Duyên hải Nam Trung Bộ 97,05%, Tây Nguyên 98,98%, Đông Nam Bộ 99,52%, Đồng bằng sông Cửu Long 98,72%.

h) Tiêu chí số 8 vềThông tin và Truyền thông: Cả nước có 97% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 88,17%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 97,25%, Duyên hải Nam Trung Bộ 96,41%, Tây Nguyên 96,77%, Đông Nam Bộ 99,76%, Đồng bằng sông Cửu Long 97,76%.

i) Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư: Cả nước có 88,4% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 68,54%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 88,62%, Duyên hải Nam Trung Bộ 84,36%, Tây Nguyên 83,53%, Đông Nam Bộ 98,81%, Đồng bằng sông Cửu Long 98,16%.

k)Tiêu chí số 10 vềThu nhập: Cả nước có 81% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 53,48%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 84,42%, Duyên hải Nam Trung Bộ 75,9%, Tây Nguyên 69,1%, Đông Nam Bộ 97,37%, Đồng bằng sông Cửu Long 92,15%.

l)Tiêu chí số 11 vềNghèo đa chiều: Cả nước có 80,1% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 51,49%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 84,06%, Duyên hải Nam Trung Bộ 73,85%, Tây Nguyên 66,89%, Đông Nam Bộ 98,57%, Đồng bằng sông Cửu Long 93,19%.

m)Tiêu chí số 12 vềLao động: Cả nước có 93,2% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 80,77%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 92,75%, Duyên hải Nam Trung Bộ 88,97%, Tây Nguyên 88,29%, Đông Nam Bộ 99,52%, Đồng bằng sông Cửu Long 96,72%.

n)Tiêu chí số 13 vềTổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Cả nước có 88,3% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 70%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 87,46%, Duyên hải Nam Trung Bộ 72,95%, Tây Nguyên 79,63%, Đông Nam Bộ 98,57%, Đồng bằng sông Cửu Long 89,51%.

o)Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo: Cả nước có 95,6% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 91,6%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 97,46%, Duyên hải Nam Trung Bộ 95%, Tây Nguyên 94,57%, Đông Nam Bộ 99,52%, Đồng bằng sông Cửu Long 99,28%.

p)Tiêu chí số 15 vềY tế: Cả nước có 92,9% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 79,22%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 93,26%, Duyên hải Nam Trung Bộ 84,36%, Tây Nguyên 79,97%, Đông Nam Bộ 96,66%, Đồng bằng sông Cửu Long 95,52%.

q)Tiêu chí số 16 vềVăn hóa: Cả nước có 95,2% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 85,88%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 95,22%, Duyên hải Nam Trung Bộ 94,36%, Tây Nguyên 96,77%, Đông Nam Bộ 99,52%, Đồng bằng sông Cửu Long 99,12%.

r)Tiêu chí số 17 vềMôi trường và an toàn thực phẩm: Cả nước có 87,5% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 57,9%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 83,48%, Duyên hải Nam Trung Bộ 75,13%, Tây Nguyên 71,14%, Đông Nam Bộ 99,52%, Đồng bằng sông Cửu Long 87,35%.

s)Tiêu chí số 18 vềHệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Cả nước có 94,6% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 87,48%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 96,09%, Duyên hải Nam Trung Bộ 90,38%, Tây Nguyên 85,74%, Đông Nam Bộ 99,28%, Đồng bằng sông Cửu Long 95,36%.

t)Tiêu chí số 19 vềQuốc phòng và An ninh: Cả nước có 95,4% số xã đạt; tỷ lệ số xã đạt ở các vùng: Trung du miền núi phía Bắc 91,5%, Đồng bằng sông Hồng 100%, Bắc Trung Bộ 97,03%, Duyên hải Nam Trung Bộ 93,72%, Tây Nguyên 93,21%, Đông Nam Bộ 99,52%, Đồng bằng sông Cửu Long 96,48%.

Nhìn chung, kết quả thực hiện các tiêu chí NTM có thể phân thành 04 nhóm theo mức đạt được, gồm: *(i)* Nhóm tiêu chí có kết quả tốt *(trên 95% số xã đạt, gồm 08 tiêu chí: Quy hoạch, Thuỷ lợi và phòng chống thiên tai, Điện, Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Quốc phòng và An ninh)*; *(ii)* Nhóm tiêu chí có kết quả tương đối tốt *(từ trên 90-95% số xã đạt, gồm 03 tiêu chí: Lao động, Y tế, Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật)*; *(iii)* Nhóm tiêu chí có kết quả khá *(từ 85-90% số xã đạt, gồm 06 tiêu chí: Giao thông, Trường học, Cơ sở vật chất văn hoá, Nhà ở dân cư, Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, Môi trường và an toàn thực phẩm)*; *(iv)* Nhóm tiêu chí có kết quả còn hạn chế *(dưới 85% số xã đạt, gồm 02 tiêu chí: Thu nhập, Nghèo đa chiều).*

# III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

## 1. Kết quả tích cực

a) Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp giai đoạn 2021-2025 tiếp tục khẳng định là công cụ quan trọng và cần thiết để cụ thể hoá các mục tiêu xây dựng NTM; là căn cứ để thực hiện công tác lập kế hoạch và giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; là thước đo để thẩm định, xét công nhận các địa phương đạt chuẩn NTM; là cơ sở để xác định vai trò, nhiệm vụ thực hiện Chương trình của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp; là giải pháp giúp các địa phương xác định được các mục tiêu phấn đấu cụ thể và có sự quan tâm đầu tư hỗ trợ hài hòa trên các lĩnh vực phát triển nông thôn để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

b) Kết quả xây dựng NTM phản ánh qua Bộ tiêu chí NTM cho thấy những chuyển biến của Chương trình, đồng thời giúp nhận diện được những hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong chỉ đạo, thực hiện, để có những đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm, xây dựng cơ chế, chính sách, cách làm phù hợp, hiệu quả.

c) Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025 cơ bản giữ nguyên bố cục và nội dung so với giai đoạn 2016-2020, khả thi với các xã chưa đạt chuẩn, vốn lại là những xã gặp nhiều khó khăn có động lực phấn đấu thực hiện, qua đó chỉ tính đến tháng 6/2025, tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM đã tăng từ 62,2% lên 79,3% *(cơ bản đạt mục tiêu đề ra đến hết năm 2025)*. Bên cạnh đó, ngay từ đầu giai đoạn, với số xã đạt chuẩn NTM chiếm số lượng lớn, việc ban hành Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao và quy định xã NTM kiểu mẫu là rất kịp thời để các xã đạt chuẩn tiếp tục không ngừng nâng chất những kết quả đạt được.

d) Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM *(09 tiêu chí, 36 chỉ tiêu)* và huyện NTM nâng cao *(09 tiêu chí, 38 chỉ tiêu)* có sự thay đổi rõ rệt về chất so với giai đoạn 2016-2020 *(tăng thêm tới 22 và 24 chỉ tiêu)* qua đó đã thể hiện rõ hơn hình hài NTM ở phạm vi cấp huyện cũng như thúc đẩy vai trò, trách nhiệm của huyện trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

đ) Trong quá trình triển khai, một số chỉ tiêu, tiêu chí NTM đã bộc lộ vướng mắc, bất cập, chưa thực sự sát với điều kiện đặc thù ở một số địa phương. Những vấn đề đó đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT kịp thời tiếp thu để tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản điều chỉnh, sửa đổi một số chỉ tiêu, tiêu chí, đồng thời bổ sung quy định tiêu chí NTM đối với huyện đặc thù không có đơn vị hành chính cấp xã để hoàn thiện hệ thống tiêu chí.

e) Chương trình MTQG xây dựng NTM được triển khai trên phạm vi cả nước, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, do vậy, việc tích hợp các mục tiêu, nhiệm vụ có liên quan vào Bộ tiêu chí NTM đã giúp các bộ, ngành, địa phương tăng cường được công tác theo dõi, đánh giá và tổ chức thực hiện, đặc biệt là trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nếp sống văn hoá, bảo vệ môi trường, thúc đẩy bình đẳng giới, đảm bảo an ninh trật tự, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững…

## 2. Khó khăn, vướng mắc

a) Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 được ban hành tương đối muộn *(vào tháng 3/2022)*, ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức thực hiện xây dựng NTM ở các địa phương.

b) Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 được xây dựng, ban hành trên cơ sở ý kiến góp ý từ các bộ, ngành, địa phương; tuy nhiên, trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng NTM ở địa phương vẫn còn gặp vướng mắc, khó khăn.

c) Việc rà soát, đánh giá, cụ thể hóa các tiêu chí, chỉ tiêu NTM/NTM nâng cao cấp xã, huyện đã được phân cấp để ban hành áp dụng thực hiện trên địa bàn ở một số địa phương chậm được hoàn thiện, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện xây dựng NTM của địa phương.

d) Nhiều tỉnh, thành có số lượng lớn các xã đạt chuẩn NTM nâng cao, kiểu mẫu, tuy nhiên chưa có định hướng cụ thể sau khi đạt nâng cao và kiểu mẫu thì tiếp tục xây dựng NTM như thế nào, theo tiêu chí gì. Theo chiều ngược lại, nhiều địa phương ở vùng đặc biệt khó khăn còn một số lượng lớn các xã chưa đạt tới 15 tiêu chí, thậm chí chỉ đạt dưới 10 tiêu chí, khó hoàn thành mục tiêu không còn xã dưới 15 tiêu chí đến năm 2025.

đ) Mặc dù giữ nguyên kết cấu 19 tiêu chí NTM ở cấp xã và 09 tiêu chí NTM ở cấp huyện, nhưng số lượng chỉ tiêu trong các bộ tiêu chí lại tăng cao hơn rất nhiều so với giai đoạn 2016-2020, trong khi đó các văn bản quy định và hướng dẫn ban hành chậm, dẫn đến những lúng túng trong thời gian đầu tổ chức thực hiện tại các địa phương.

e) Nội dung của các bộ tiêu chí tuy đã có sự điều chỉnh, nhưng theo phản ánh của các địa phương thì vẫn còn một số bất cập, như: Tính định lượng của một số chỉ tiêu, tiêu chí còn chung chung; định mức đạt chuẩn một số chỉ tiêu với yêu cầu ở mức khá cao, chưa phù hợp với thực tiễn triển khai ở một số nơi có điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khó khăn; một số chỉ tiêu chưa thực sự phù hợp với điều kiện đặc thù ở một số địa phương, hoặc chưa đáp ứng các yêu cầu mới của xây dựng NTM bền vững...

## 3. Bài học kinh nghiệm

a) Bộ tiêu chí cần định lượng, cụ thể hóa tối đa các tiêu chí, chỉ tiêu có thể đo đếm được, để các cơ quan, địa phương có liên quan thuận lợi hơn trong quá trình chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện, nhằm đảm bảo chất lượng đạt chuẩn NTM ở các địa phương phải tương đương nhau.

b) Bộ tiêu chí cần được chắt lọc, lựa chọn các nội dung quy định cốt lõi, thể hiện được mục tiêu trọng tâm cần đạt được; lược bỏ bớt các quy định trùng giữa các chỉ tiêu, tiêu chí; hạn chế các yêu cầu bổ sung mang tính thủ tục, mang lại ít giá trị thực tế để giảm số lượng các chỉ tiêu.

c) Bộ tiêu chí cần được phân cấp một cách tối đa, mỗi địa phương được phân cấp quy định cụ thể giá trị định lượng cho một số chỉ tiêu mà việc đạt được chỉ tiêu đó phụ thuộc nhiều vào điều kiện thực tế, đặc thù ở địa phương. Chính yêu cầu này đã tạo điều kiện cho sự chủ động, sáng tạo trong xây dựng NTM ở nhiều địa phương.

d) Bộ tiêu chí cần được theo dõi, đánh giá, kiểm định, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình xây dựng NTM ở các địa phương và cả nước trong mỗi giai đoạn; cần được điều chỉnh, nâng cấp cho phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đạt chuẩn NTM, theo phương châm xây dựng NTM có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững.

đ) Bộ tiêu chí áp dụng cho mỗi giai đoạn, cần được sớm ban hành ngay trong những tháng đầu tiên của năm đầu giai đoạn, để các địa phương có căn cứ pháp lý, thống nhất áp dụng trong xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn.

# Phần IIĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG

# BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NTM CÁC CẤP GIAI ĐOẠN 2026-2030

# I. BỐI CẢNH

## 1. Bối cảnh chung

Trên phạm vi thế giới và khu vực, cạnh tranh địa chính trị và địa kinh tế, căng thẳng thương mại giữa một số nền kinh tế lớn tiếp tục gia tăng. Các biến động chính trị, xung đột cục bộ, tranh chấp biên giới lãnh thổ ngày càng phức tạp và khó lường, có tác động mạnh đến an ninh, phát triển kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia. Những vấn đề về biến đổi khí hậu, già hóa dân số, xu hướng đô thị hóa, dịch bệnh và đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn là những thách thức lớn. Tuy nhiên, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, kinh tế xanh, an toàn thực phẩm, an ninh dinh dưỡng... đang mở ra nhiều cơ hội mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Ở trong nước, sau 40 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước, niềm tin của Nhân dân ngày càng được nâng cao. Nếu như nông nghiệp giữ vai trò tiên phong trong công cuộc đổi mới đất nước, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, đưa Việt Nam trở thành cường quốc về xuất khẩu nông sản, thì xây dựng NTM có thể xem là một cuộc “đổi mới lần thứ hai” - không chỉ đem lại diện mạo mới, sức sống mới cho khu vực nông thôn với khoảng 2/3 dân số, mà hơn thế nữa, đã tạo ra sự đổi mới mạnh mẽ về tư duy và nhận thức, huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Giai đoạn 2026-2030 là giai đoạn chuyển tiếp quan trọng, vừa tiếp tục hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, Chiến lược quốc gia về phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững; vừa chuẩn bị các điều kiện nền tảng để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình, hiện thực hóa tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045, đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Giai đoạn này được triển khai trong bối cảnh cả nước đã hoàn thành 15 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM và 25 năm thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, với nhiều kết quả quan trọng đã được ghi nhận, tạo nền tảng vững chắc cho việc nghiên cứu, xây dựng và triển khai một Chương trình MTQG mới, trên cơ sở tích hợp từ hai chương trình nêu trên theo hướng toàn diện, hiệu quả và bền vững hơn trong giai đoạn tiếp theo.

## 2. Thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức

### a) Thuận lợi, cơ hội

- Định hướng chiến lược và chính sách phát triển được hoàn thiện, đồng bộ. Giai đoạn 2026-2030, diễn ra trong bối cảnh đất nước tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược về thể chế, hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và chuyển đổi số, nhằm hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030. Các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững tiếp tục được cụ thể hóa và triển khai sâu rộng, như: Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới; Quyết định số 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững... Thế và lực của đất nước ngày càng được củng cố, vị thế quốc tế của Việt Nam tiếp tục được nâng cao.

- Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia *(Nghị quyết số 57-NQ/TW)*; phát triển kinh tế tư nhân *(Nghị quyết 68-NQ/TW)*; hội nhập quốc tế trong tình hình mới *(Nghị quyết 59-NQ/TW)*; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới *(Nghị quyết 66-NQ/TW)* là bộ tứ trụ cột thể chế nền tảng, tạo động lực cho sự phát triển mạnh mẽ của đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển, thịnh vượng, hùng cường của dân tộc.

- Thành tựu thực tiễn tích lũy sau 80 năm *(1945-2025)* thực hiện công tác xoá đói, giảm nghèo, nhất là 25 năm *(2000-2025)* triển khai giảm nghèo bền vững, 15 năm triển khai xây dựng NTM *(2010-2025)* là nền tảng quan trọng cho giai đoạn tiếp theo. Đến năm 2025, những kết quả quan trọng đạt được của 02 chương trình đã góp phần giúp hàng triệu người thoát nghèo, vươn lên khá giả; sức sống và diện mạo nông thôn thay đổi toàn diện; kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt; nhiều mô hình NTM nâng cao, kiểu mẫu, liên kết chuỗi giá trị hiệu quả được hình thành. Đây là nền tảng thực tiễn vững chắc để bước sang giai đoạn phát triển toàn diện, đi vào chiều sâu, hiện đại và bền vững hơn.

- Các phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng NTM”, “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” tiếp tục phát huy hiệu quả, lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội. Vai trò chủ thể của người dân, cùng với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp, là nguồn lực quan trọng thúc đẩy thực hiện hiệu quả xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn tới.

- Việc cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực quản lý, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường phân cấp cho cấp cơ sở đang tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức thực hiện Chương trình. Mô hình tổ chức này góp phần thúc đẩy số hóa quy trình chỉ đạo, điều hành, nâng cao tính minh bạch và hiện đại trong quản lý.

- Định hướng tích hợp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với Chương trình MTQG xây dựng NTM trong giai đoạn 2026-2035 là bước đi chiến lược, nhằm thống nhất mục tiêu, tránh trùng lặp chính sách và tập trung hiệu quả nguồn lực. Đây cũng là minh chứng rõ nét cho tư duy đổi mới trong quản trị phát triển: chuyển từ hỗ trợ sang trao quyền, từ trợ cấp sang phát triển bao trùm và bền vững.

- Khoa học, công nghệ và chuyển đổi số tiếp tục được xác định là động lực tăng trưởng mới. Sự phát triển nhanh của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo… cùng với chủ trương chuyển đổi số toàn diện đang mở ra cơ hội lớn cho khu vực nông thôn đổi mới mô hình sản xuất, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng cuộc sống người dân. Tầm nhìn dài hạn đến năm 2045 về một nền nông nghiệp hiện đại, nông thôn phát triển toàn diện, có bản sắc, đáng sống và thích ứng với biến đổi khí hậu đã được xác lập thống nhất, bảo đảm tính ổn định và liên kết lâu dài trong phát triển.

### b) Khó khăn, thách thức

- Quá trình phát triển kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tác động ngày càng gay gắt của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, suy giảm tài nguyên và an ninh nguồn nước đang ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp, đời sống dân cư và kết cấu hạ tầng ở nhiều vùng nông thôn, nhất là tại Đồng bằng sông Cửu Long, vùng ven biển, vùng trung du và miền núi phía Bắc.

- Chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng, miền còn lớn. Nhiều địa phương có địa hình chia cắt, giao thông khó khăn, đất đai kém màu mỡ, điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, dẫn đến khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ, phát triển sinh kế và dịch vụ xã hội cơ bản còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và hiệu quả thực hiện chương trình, đồng thời làm chậm quá trình thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền trong cả nước.

- Cơ cấu dân số và lao động tại khu vực nông thôn biến đổi theo hướng bất lợi. Tình trạng di cư lao động trẻ, có trình độ ra đô thị và khu công nghiệp tiếp tục gia tăng, dẫn đến thiếu hụt nguồn nhân lực kế cận phục vụ phát triển nông thôn. Đồng thời tạo áp lực về giải quyết việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội cho khu vực đô thị. Trong khi đó, tỷ lệ người cao tuổi ngày càng cao gây áp lực lên hệ thống an sinh xã hội cơ sở, ảnh hưởng đến khả năng tổ chức sản xuất, đổi mới mô hình phát triển và duy trì sinh hoạt cộng đồng tại địa phương.

- Năng lực tổ chức, điều hành và phối hợp triển khai các chương trình MTQG giữa các cấp, các ngành còn chưa đồng đều, đặc biệt tại cấp cơ sở. Một số địa phương, nhất là ở cấp xã, còn thiếu đội ngũ cán bộ chuyên trách có năng lực phù hợp; chưa theo kịp yêu cầu mới về chuyển đổi số, tích hợp chính sách, quản lý dữ liệu và giám sát chương trình. Trong khi đó, quá trình hoàn thiện thể chế, bộ máy tổ chức và quy trình phối hợp theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp đang trong giai đoạn chuyển tiếp, đòi hỏi sự thích nghi nhanh chóng từ cả hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ các cấp để đảm bảo triển khai hiệu quả chương trình trong điều kiện tổ chức bộ máy mới.

- Huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực còn nhiều hạn chế. Nhu cầu đầu tư cho các địa bàn đặc biệt khó khăn và triển khai các nội dung mới như phát triển hạ tầng thiết yếu, chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống khu vực nông thôn ngày càng gia tăng. Trong khi đó, khả năng cân đối ngân sách trung ương và địa phương còn hạn chế; việc tích hợp, điều phối các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, tín dụng, ODA, xã hội hóa và các chương trình mục tiêu khác còn thiếu tính linh hoạt, đồng bộ.

- Chuyển đổi số khu vực nông thôn còn chậm, thiếu nền tảng đồng bộ. Hạ tầng công nghệ thông tin chưa được đầu tư đầy đủ và đồng đều giữa các vùng, nhất là tại các địa bàn khó khăn; nhân lực có kỹ năng số còn hạn chế. Đặc biệt, đến nay chưa hình thành rõ các mô hình nông thôn số thực chất, có khả năng nhân rộng. Bên cạnh đó, việc thiếu hành lang pháp lý, dữ liệu dùng chung và công cụ giám sát số hóa hiệu quả tiếp tục là những rào cản lớn trong triển khai đồng bộ nông thôn số và chính quyền số cấp xã, cấp trực tiếp thực hiện các chương trình MTQG trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

# II. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NTM GIAI ĐOẠN 2026-2030

## 1. Cơ sở chính trị

a) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đã đề ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn đến năm 2030, trong đó định hướng *“phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng NTM”*.

 b) Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, một lần nữa khẳng định quan điểm *“Xây dựng NTM đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững”*, đồng thời đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp *“Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng NTM …”*.

## 2. Cơ sở pháp lý

a) Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quốc hội đề ra mục tiêu phát triển đến năm 2030: *“Xây dựng NTM phát triển toàn diện, bền vững và gắn với đô thị hóa…”*.

b) Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”, Quốc hội giao: *“…Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình MTQG giai đoạn 2026-2030 tại kỳ họp cuối năm 2025”*.

c) Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV: *Giao Chính phủ tổng kết và báo cáo tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV về kết quả thực hiện các Nghị quyết số 120/2020/QH14, số 24/2021/QH15, số 25/2021/QH15 và các nghị quyết có liên quan của Quốc hội về các chương trình MTQG và đề xuất Chương trình cho giai đoạn 2026-2030*.

d) Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ giao: *Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp giai đoạn 2026-2030, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định*.

đ) Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã đề ra định hướng, nhiệm vụ *“Đổi mới nội dung hoạt động, nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng NTM phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của vùng miền, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững…”*.

e) Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã đề ra định hướng phát triển nông thôn: *Xây dựng NTM phát triển toàn diện, hiện đại, xanh, sạch, đẹp gắn với quá trình đô thị hóa*.

g) Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 05/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Thủ tướng Chính phủ giao: *Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tiếp tục xây dựng và triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM đến năm 2030*.

Như vậy, những quan điểm, chủ trương của Đảng, nhiệm vụ chính trị được Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao về xây dựng NTM giai đoạn 2026-2030 trong các văn bản pháp lý đã ban hành, đặt ra yêu cầu phải xây dựng Bộ tiêu chí NTM các cấp cho giai đoạn 2026-2030.

# II. YÊU CẦU

Việc xây dựng Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp giai đoạn 2026-2030 phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

1. Bám sát các nghị quyết, chiến lược, chính sách của Đảng và Nhà nước, đảm bảo thống nhất với các quy định pháp luật, đồng bộ với các chương trình, kế hoạch và các chính sách khác có liên quan, phù hợp với các chiến lược phát triển quốc gia trong giai đoạn mới.

2. Có tính khả thi cao, phản ánh thực chất, dễ hiểu và dễ áp dụng; đảm bảo việc huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tránh lãng phí; tăng cường phân cấp, phân quyền, đề cao sự linh hoạt trong áp dụng; đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng, thực hiện và giám sát.

3. Tăng cường tiêu chí liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành; đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, thúc đẩy kinh tế số nông thôn. Chú trọng các tiêu chí về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, thúc đẩy bình đẳng giới, phát triển cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa.

4. Vừa có tính kế thừa, vừa có tính đột phá về nội dung và kết cấu, loại bỏ những tiêu chí không còn cần thiết; phân loại các nhóm xã theo đặc điểm kinh tế - xã hội thay cho chia theo vùng sinh thái; tiếp cận tới cấp thôn, bản ở các địa phương vùng khó khăn.

# III. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NTM CÁC CẤP GIAI ĐOẠN 2026-2030

## 1. Một số vấn đề đặt ra

### Thứ nhất, xây dựng NTM giai đoạn 2010-2025 đã cơ bản hoàn thành mục tiêu, từ năm 2026 cần có sự khởi đầu mới với bộ tiêu chí mới trong bối cảnh mới.

Việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp đặt ra yêu cầu xây dựng NTM phải làm mới trên nhiều phương diện. Sau khi sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã *(kết thúc hoạt động của các đơn vị hành chính cấp huyện từ 01/7/2025)*, cả nước hiện có 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và 3.321 đơn vị hành chính cấp xã *(gồm 2.621 xã, 687 phường và 13 đặc khu)*. Các xã sau khi sáp nhập có sự thay đổi toàn diện về quy mô và tổ chức, kéo theo mọi tiêu chí về hạ tầng, kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường, hệ thống chính trị… đều khác biệt hẳn về chất và lượng so với mô hình cũ. Quy hoạch xã cũng phải được xây dựng lại. Do đó, không thể coi một xã mới được thành lập trên cơ sở các xã đã đạt chuẩn NTM trước đây thì mặc nhiên trở thành xã đạt chuẩn NTM. Điều này cũng tương tự đối với cấp tỉnh. Đơn cử trường hợp 03 tỉnh Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình đều đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, khi hợp nhất thành tỉnh Ninh Bình thì xây dựng NTM tại tỉnh Ninh Bình mới sẽ cần khởi động lại với 129 đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn cùng những nhiệm vụ trên phạm vi cấp tỉnh.

Như vậy, các kết quả xây dựng NTM đến hết tháng 6/2025 đã có thể khép lại khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp chính thức vận hành từ 01/7/2025. Những kết quả đạt được rất đáng được ghi nhận, đó là dấu mốc lịch sử trong chặng đường 15 năm xây dựng NTM với các mục tiêu cơ bản đến hết năm 2025 đã cơ bản hoàn thành. Kể từ năm 2026, toàn bộ các địa phương sẽ cùng bắt đầu vạch xuất phát mới với đích đến là một bộ tiêu chí mới, hướng tới diện mạo mới, sức sống mới, đột phá hơn, toàn diện hơn, đồng hành cùng khát vọng vươn mình của đất nước.

### Thứ hai, giai đoạn 2026-2030 trung ương chỉ quy định một Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn NTM.

Trong giai đoạn 2010-2015, khi bắt đầu thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, cả nước áp dụng duy nhất 01 bộ tiêu chí xã NTM. Đó là sự khởi đầu phù hợp, tạo nên khí thế thi đua sôi nổi ở khắp các vùng miền. Đến hết năm 2015, cả nước đã có 19,7% số xã được công nhận đạt chuẩn NTM, cơ bản đạt mục tiêu của giai đoạn *(mục tiêu là 20%)*. Tiếp nối kết quả đó, trong các giai đoạn tiếp theo *(2016-2020 và 2021-2025)*, xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu được bổ sung để các địa phương không ngừng nâng chất những kết quả đạt được.

Bước vào giai đoạn 2026-2030, bối cảnh mới đặt ra yêu cầu NTM cần xây mới trên nền móng mới. Kinh nghiệm 15 năm xây dựng NTM là một thuận lợi lớn, nhưng các thách thức sẽ không nhỏ khi Chương trình cần có cách tiếp cận phù hợp trong bối cảnh có nhiều sự thay đổi; cần tích hợp và lồng ghép hiệu quả giữa các chương trình MTQG; cần thiết lập một bộ máy chỉ đạo và quản lý đồng bộ, tương thích với hệ thống chính trị các cấp vốn đã được tinh giản mạnh; cùng với đó là hàng loạt các vấn đề liên quan đến hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định, hướng dẫn thực hiện…

Chính vì vậy, tiếp cận xây dựng NTM giai đoạn 2026-2030 chỉ nên tập trung vào 01 bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM như giai đoạn 2010-2015, bởi đó là nền tảng cơ bản nhất của Chương trình. Bộ tiêu chí này vừa kế thừa, vừa tích hợp các nội dung cần thiết từ bộ tiêu chí NTM/NTM nâng cao cấp xã, huyện giai đoạn 2021-2025, phù hợp với quy mô của “xã lớn”, vừa phải thể hiện những đột phá mới, đồng thời đặc biệt chú trọng tới nội dung liên quan đến giảm nghèo và an sinh xã hội. Do vậy, việc trở thành xã đạt chuẩn NTM trên cơ sở hoàn thành các tiêu chí NTM giai đoạn 2026-2030 đòi hỏi sự quyết tâm rất cao, nỗ lực rất lớn của các địa phương.

Đối với những xã “về đích” sớm, trung ương sẽ không quy định cụ thể về xây dựng xã NTM nâng cao hay xã NTM kiểu mẫu như giai đoạn trước. Trên tinh thần mạnh dạn đổi mới và thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân quyền, phân cấp, các địa phương cần chủ động phát huy khả năng sáng tạo của mình trọng lựa chọn bước đi, mô hình thích hợp để tiếp tục phấn đấu thực hiện, tạo nên bản sắc riêng trong bức tranh chung về NTM của cả nước.

### Thứ ba, cần phân loại lại các nhóm xã theo đặc điểm kinh tế - xã hội thay cho cách phân loại theo các vùng sinh thái như giai đoạn trước.

Một trong những mục tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM là tạo động lực phấn đấu thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương. Vì vậy, các tiêu chí được xây dựng phải bảo đảm tính khả thi cho từng nhóm xã có đặc điểm kinh tế - xã hội tương đồng hoặc không quá khác biệt, để các xã trong cùng một nhóm xã có các chỉ tiêu chung, thích hợp trong khả năng phấn đấu thực hiện.

Cách phân loại xã theo 07 vùng sinh thái trong giai đoạn 15 năm vừa qua tuy đã cố gắng gắn với điều kiện đặc thù về tự nhiên, kinh tế, văn hoá, xã hội của các vùng miền, nhưng một bất cập rõ nét nhất đó là các xã khó khăn khó có thể theo kịp các chỉ tiêu áp dụng chung đối với vùng, tạo ra sự chênh lệch về kết quả xây dựng NTM ngay nội vùng và nội tỉnh. Điển hình như các xã miền núi thuộc tỉnh Bình Phước, vốn mang nhiều nét đặc trưng của vùng Tây Nguyên, song phải áp dụng đánh giá theo các tiêu chí của vùng Đông Nam Bộ; hoặc trường hợp các xã thuộc 09 huyện miền núi phía Tây của tỉnh Quảng Nam, dù đã rất nỗ lực song kết quả thực hiện các tiêu chí còn một khoảng cách rất xa so với các xã thuộc 09 huyện, thị, thành phố đồng bằng ven biển phía Đông của tỉnh.

Do đó, cách phân loại xã theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026-2030 cần xác định lại để phù hợp với điều kiện phát triển của các xã thay cho cách phân loại theo vùng. Hướng xây dựng có thể tập trung theo 03 nhóm xã: *(1)* nhóm xã phát triển, ven đô, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp, dịch vụ; *(2)* nhóm xã trung bình, có nông nghiệp là lĩnh vực sản xuất chính; và *(3)* nhóm xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### Thứ tư, các tiêu chí xã NTM cần được sắp xếp lại và tinh gọn hơn, phù hợp và đồng bộ với các nhóm nội dung thành phần của Chương trình.

Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM/NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 đều gồm 19 tiêu chí, mỗi tiêu chí lại chia thành các chỉ tiêu nhỏ. So với những yêu cầu hiện nay, kết cấu của bộ tiêu chí NTM cấp xã giai đoạn 2021-2025 bộc lộ một số hạn chế như: chưa được cô đọng thành những nhóm vấn đề trọng tâm của phát triển nông thôn *(ví dụ: hạ tầng kinh tế - xã hội là một nhóm vấn đề trọng tâm, nhưng được chia nhỏ thành 08 tiêu chí)*; chưa thể hiện được những đột phá lớn *(ví dụ: phát triển nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ và chuyển đổi số)*; thiếu chiều sâu đối với các vấn đề liên quan đến chất lượng cuộc sống, an sinh xã hội *(ví dụ: một số chỉ tiêu về y tế chỉ quy định đối với mức nâng cao, trong khi đó cũng là yêu cầu cần thiết đối với mức đạt chuẩn; ngược lại chỉ tiêu về bình đẳng giới cần được nâng cao nhưng chỉ quy định đối với mức đạt chuẩn)*; còn trùng lặp và phân tán, nhiều nội dung còn “nhỏ lẻ” không phù hợp với quy mô mới của xã sau sáp nhập *(ví dụ: các chỉ tiêu về mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, có sản phẩm OCOP, ứng dụng chuyển đổi số để truy xuất nguồn gốc, sản phẩm chủ lực bán qua kênh thương mại điện tử, vùng nguyên liệu được cấp mã số vùng trồng… chủ yếu xoay quanh một, hai mô hình tích hợp đủ các yếu tố theo yêu cầu)*; cấu trúc 19 tiêu chí chưa đồng bộ với 11 nhóm nội dung thành phần *(ví dụ: các nội dung liên quan đến hành chính công, ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp cận pháp luật, bình đẳng giới nằm ở các tiêu chí khác nhau nhưng được đặt trong một nhóm nội dung thành phần số 08)*.

Về cơ bản, với sự thay đổi về quy mô và tổ chức của các xã, khung Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026-2030 cần được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn hơn, phản ánh được những nhóm vấn đề căn bản nhất, mỗi nhóm vấn đề được gọi là một tiêu chí, mỗi tiêu chí chia thành những nội dung/chỉ tiêu cụ thể, và được thiết kế đồng bộ với các nhóm nội dung thành phần của Chương trình giai đoạn 2026-2035. Trên cơ sở đó, các nhóm vấn đề trọng tâm được đề xuất thành 10 tiêu chí NTM giai đoạn 2026-2030, gồm: *(1)* Quy hoạch; *(2)* Hạ tầng kinh tế - xã hội; (3) Kinh tế nông thôn; *(4)* Nguồn nhân lực; *(5)* Văn hoá, Giáo dục, Y tế; *(6)* Giảm nghèo và An sinh xã hội; *(7)* Khoa học công nghệ và chuyển đổi số; *(8)* Môi trường và cảnh quan nông thôn; *(9)* Hệ thống chính trị và Hành chính công; *(10)* Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng.

### Thứ năm, cùng với Bộ tiêu chí xã NTM cần nghiên cứu triển khai thí điểm xây dựng xã NTM hiện đại.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đều nhấn mạnh định hướng xây dựng *“nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”*. Trong ba thành tố này, *“nông thôn hiện đại”* chính là mô hình mà Chương trình MTQG xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035 cần hướng tới.

Hiện nay, khái niệm *“nông thôn hiện đại”* chưa có định nghĩa thống nhất trong các văn bản pháp lý, song có thể khái quát rằng đó là không gian nông thôn với hạ tầng đồng bộ, hiện đại và kết nối; kinh tế đa dạng, ứng dụng công nghệ cao, thông minh; xã hội văn minh, bình đẳng, đảm bảo an sinh xã hội; môi trường sống an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp; quản trị hiệu quả; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Mô hình này phản ánh một trình độ phát triển cao của nông thôn, thể hiện rõ sự khác biệt vượt trội so với mặt bằng chung.

Trên thực tế, hiện nay một số xã đã bước đầu tiệm cận với những đặc trưng của nông thôn hiện đại. Tuy nhiên, xây dựng nông thôn hiện đại vẫn là một hướng tiếp cận mới, không chỉ ở Việt Nam mà cả trên thế giới. Một số mô hình mới như *“làng thông minh (smart village)”* hay *“làng sinh thái (eco-village)”* chưa bao quát đầy đủ nội hàm của nông thôn hiện đại. Do tính mới của nông thôn hiện đại, trong giai đoạn 2026-2030 chỉ nên thí điểm xây dựng ở cấp xã tại những địa phương thực sự có điều kiện đáp ứng yêu cầu, tạo cơ sở cho việc nhân rộng trong các giai đoạn tiếp theo. Để triển khai, Trung ương cần ban hành Khung thí điểm xây dựng xã NTM hiện đại, làm căn cứ để các địa phương linh hoạt áp dụng.

## 2. Đề xuất xây dựng Bộ tiêu chí NTM các cấp giai đoạn 2026-2030

## a) Đề xuất đối với Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026-2030

### - Về việc phân nhóm xã:

Các xã được đề xuất chia thành 03 nhóm như sau: *(1) Xã nhóm 1:* là xã chịu tác động mạnh của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp, dịch vụ. Bao gồm: xã liền kề đô thị hiện hữu và có định hướng phát triển thành đô thị; xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%; xã được định hướng là đô thị mới. *(2) Xã nhóm 2:* là xã thuộc diện trung bình, về cơ bản sản xuất nông nghiệp vẫn là lĩnh vực sản xuất chính, ít chịu tác động của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Bao gồm: xã không thuộc xã nhóm 1 và xã nhóm 3. *(3) Xã nhóm 3:* là xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; hạ tầng thiết yếu chưa đồng bộ, thiếu dịch vụ cơ bản; sinh kế phụ thuộc chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, thiếu ổn định; dân cư phân bố thưa thớt. Bao gồm: xã nghèo; xã khu vực II và xã khu vực III thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### - Về việc xác định các nhóm tiêu chí trọng tâm: Bộ tiêu chí được đề xuất tinh gọn lại theo 10 tiêu chí trọng tâm, gồm: (1) Quy hoạch; (2) Hạ tầng kinh tế - xã hội; (3) Kinh tế nông thôn; (4) Nguồn nhân lực nông thôn; (5) Văn hoá, Giáo dục, Y tế; (6) Giảm nghèo và An sinh xã hội; (7) Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số; (8) Môi trường và cảnh quan nông thôn; (9) Hệ thống chính trị và Hành chính công; (10) Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng.

### - Về nội dung của từng nhóm tiêu chí: Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026-2030 được xây dựng gồm 10 tiêu chí, phân theo 03 nhóm xã. Bộ tiêu chí được thống nhất áp dụng trong phạm vi cả nước để thực hiện, đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM trong giai đoạn 2026-2030. Trong đó: (1) Giao các bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng quản lý nhà nước, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí NTM; (2) Phân cấp cho UBND cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan, quy định việc áp dụng cụ thể đối với các nhóm xã để phù hợp với điều kiện đặc thù, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khả năng của người dân từng xã, đặc điểm văn hóa của từng dân tộc.

## b) Đề xuất đối với quy định khung thí điểm xây dựng xã NTM hiện đại giai đoạn 2026-2030

- Trung ương chỉ quy định khung thí điểm xây dựng xã NTM hiện đại giai đoạn 2026-2030; phân cấp cho UBND cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế, đặc thù của địa phương, chủ động xây dựng tiêu chí xã NTM hiện đại để ban hành và chỉ đạo, để các xã ở những nơi có điều kiện sau khi đạt chuẩn NTM tiếp tục phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của địa phương, phấn đấu thí điểm xây dựng xã NTM hiện đại, tiệm cận điều kiện về hạ tầng và dịch vụ của đô thị văn minh, sáng, xanh, sạch, đẹp, bình yên, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, nâng cao hơn đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của người dân nông thôn.

- Yêu cầu: *(1)* Là xã đạt chuẩn NTM *(đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2026-2030)*; *(2)* Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã NTM hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 trên địa bàn tại cùng thời điểm; *(3)* Đạt các tiêu chí quy định xã NTM hiện đại, do UBND tỉnh, thành phố ban hành.

## c) Đề xuất đối với Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2026-2030

- Trung ương chỉ quy định khung đối với Quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2026-2030 *(như giai đoạn 2021-2025)*. Lý do: Qua 15 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, tính đến tháng 6/2025, cả nước có 13 tỉnh/thành phố *(trước khi sáp nhập)* đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Đây là quyết tâm, nỗ lực rất lớn của các tỉnh, thành phố trong thực hiện Chương trình 15 năm qua *(giai đoạn 2010-2025)*. Mặt khác, đến nay mới đang triển khai thí điểm thực hiện xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM *(tỉnh Hà Tĩnh)*, nên chưa đủ cơ sở thực tiễn để đánh giá, nghiên cứu, đề xuất tiêu chí tỉnh đạt chuẩn NTM. Do vậy, đề nghị: Trong giai đoạn 2026-2030, trung ương chưa xây dựng bộ tiêu chí tỉnh đạt chuẩn NTM, chỉ kế thừa, quy định điều kiện xét, công nhận *“Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM”* như giai đoạn 2021-2025, để tạo động lực và khích lệ các tỉnh, thành phố phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trong giai đoạn 2026-2030, góp phần nâng cao hơn chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

- Quy định thống nhất áp dụng trong phạm vi cả nước để thực hiện, đánh giá, xét công nhận tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trong giai đoạn 2026-2030. Theo đó, yêu cầu phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định áp dụng đối với cấp tỉnh trong giai đoạn 2026-2030.

**Phụ lục**

# Danh mục văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện

# Bộ tiêu chí NTM các cấp theo các mức độ do Trung ương ban hành

| **TT** | **Văn bản** | **Trích yếu** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Quyết định của Thủ tướng Chính phủ** |
| 1 | Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ | Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 2 | Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ | Về việc quy định xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 |
| 3 | Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ | Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 4 | Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ | Về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 |
| 5 | Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ | Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện NTM đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 |
| 6 | Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 15/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ | Sửa đổi khoản 8 Điều 1 Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 |
| **II** | **Văn bản do các bộ, ngành ban hành** |
| 1 | Quyết định số 896/QĐ-BNN- VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM, huyện NTM nâng cao và tiêu chí huyện NTM đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 |
| 2 | Văn bản số 2283/BNN-VPĐP ngày 12/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT | Hướng dẫn các tiêu chí phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh trong xét, đề nghị công nhận cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM |
| 3 | Văn bản số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT | Hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã NTM thông minh, xã thương mại điện tử |
| 4 | Văn bản số 04/HD-BCA-V05 ngày 18/3/2024 của Bộ Công An | Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về an ninh, trật tự đối với xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM, huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 5 | Văn bản số 1807/HD- BVHTTDL ngày 26/4/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về lĩnh vực văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp giai đoạn 2021-2025 |
| 6 | Văn bản số 988/BQP-KTe ngày 04/4/2022 của Bộ Quốc phòng | Hướng dẫn thực hiện tiêu chí 19.1 trong Bộ Tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025 |
| 7 | Văn bản số 3676/BNV-CTTN ngày 14/7/2023 của Bộ Nội vụ | Hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí 18.1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025 |
| 8 | Quyết định số 94/QĐ-ĐCT ngày 14/4/2022 của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam | Ban hành hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 17.8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025 |
| 9 | Văn bản số 1298/BLĐTBXH- VPQGGN ngày 26/4/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội | Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực lao động, xã hội trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025 |
| 10 | Văn bản số 2251/BTNMT- TCMT ngày 09/4/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM/xã NTM nâng cao và huyện NTM/huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 -2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 11 | Quyết định số 1491/QĐ- BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo | Công bố chỉ tiêu các lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025 |
| 12 | Văn bản số 745/BTP-PBGDPL ngày 14/3/2022 của Bộ Tư pháp | Hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 |
| 13 | Quyết định số 1127/QĐ- BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông | Công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 14 | Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công thương | Về việc hướng dẫn và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 15 | Quyết định số 1099/QĐ- BKHĐT ngày 07/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Công bố các chỉ tiêu về HTX, Tổ hợp tác và khu công nghiệp và ban hành quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán tiêu chí về thu nhập thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025 |
| 16 | Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM/xã NTM nâng cao và huyện NTM/huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 17 | Văn bản số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022 của Bộ Xây dựng | Hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp giai đoạn 2021-2025 |
| 18 | Văn bản số 5045/VPCP-KSTT ngày 09/8/2022 của Văn phòng Chính phủ | Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 19 | Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp | Ban hành hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá NTM và đô thị văn minh |
| 20 | Quyết định số 1531/QĐ-BYT ngày 05/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Y Tế | Ban hành văn bản hợp nhất về hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí NTM và bộ tiêu chí NTM nâng cao cấp xã, huyện và tiêu chí huyện NTM đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế |
| 21 | Quyết định số 757/QĐ- LĐTBXH ngày 18/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội | Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu lĩnh vực lao động, xã hội thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM/xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 22 | Văn bản số 3371/BCA-V05 ngày 26/9/2022 của Bộ Công an | Hướng dẫn xác định xã không phức tạp về an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 |
| 23 | Quyết định số 1957/QĐ-BCT ngày 28/9/2022 của Bộ Công thương | Hướng dẫn chi tiết chỉ tiêu về cụm công nghiệp thuộc tiêu chí kinh tế trong Bộ tiêu chí Quốc gia về huyện NTM/huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 24 | Quyết định số 2332/QĐ-BCT ngày 28/9/2022 của Bộ Công thương | Hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí về điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM/NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 |
| 25 | Văn bản số 5647/BGDĐT- QLCL ngày 27/10/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo | Hướng dẫn thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên |

1. - Cấp xã: phấn đấu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn NTM, trong đó có khoảng 40% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 10% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu;

- Cấp huyện: phấn đấu cả nước có ít nhất 50% huyện, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Trong số các huyện đạt chuẩn NTM có ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu;

- Cấp tỉnh: phấn đấu cả nước có khoảng từ 17-19 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM;

- Cấp thôn: phấn đấu 60% số thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn NTM theo các tiêu chí NTM do UBND cấp tỉnh quy định. [↑](#footnote-ref-1)
2. Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Ninh, Ninh Bình, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Trà Vinh, Tiền Giang, Đồng Tháp. [↑](#footnote-ref-2)
3. Huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; huyện Đầm Hà và Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh; huyện Thanh Trì, Gia Lâm, Hoài Đức, Thanh Oai, Đông Anh, Thường Tín, Tp. Hà Nội; huyện Yên Khánh, Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; huyện Giao Thuỷ, Trực Ninh, Xuân Trường, tỉnh Nam Định; huyện Văn Giang, Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; huyện An Lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, Tp. Hải Phòng. [↑](#footnote-ref-3)
4. Huyện Thọ Xuân, Yên Định, Triệu Sơn, Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; huyện Đức Thọ, Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. [↑](#footnote-ref-4)
5. Huyện Xuân Lộc, Thống nhất, Định Quán, Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; huyện Long Điền, Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh. [↑](#footnote-ref-5)
6. Huyện Châu Thành, Tân Trụ, tỉnh Long An; huyện Gò Công Đông, Chợ gạo, tỉnh Tiền Giang; huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; huyện Cao Lãnh, Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; huyện Tiểu Cần, Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. [↑](#footnote-ref-6)